TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2019/DS-ST
Ngày 24/6/2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Hải Toàn.**

Ông **Nguyễn Thanh Cần.**

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 06 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2019/TLST-DS, ngày 19/03/2019 về vụ "Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-DS, ngày 06/05/2019 và Quyết định hoàn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-DS, ngày 24/5/2019 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Anh **Lê Văn L**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp HT, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh KGi.

***** Bị đơn: Bà **Từ Thị X**, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Tổ 12, khu phố Ch S, thị trấn H Đ, huyện HĐ, tỉnh K G.

***** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Bùi Văn S**, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Tổ 12, khu phố Ch S, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh KG.

(Anh L có mặt. Bà X và ông S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày như sau:***

Ngày 27/5/2018 bà Từ Thị X có đến cửa hàng vật liệu xây dựng Út Ldo anh Lê Văn L làm chủ mua vật liệu xây dựng về cất nhà tại tổ 12, khu phố Chòm Sao, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cất nhà xong thì bà X còn nợ lại anh số tiền mua vật tư xây dựng là 30.818.000 đồng. Anh đã đến nhà đòi nhiều lần thì bà X cố tình tránh né không chịu trả. Còn ông Bùi Văn S là chồng của bà X thì cho

rằng không biết số nợ này nhưng sau đó ông Scó thừa nhận nợ và hứa khi nào con trai của ông bà đi biển về thì ông sẽ trả. Nhưng từ đó cho đến nay bà X, ông S vẫn không thực hiện. Nay anh yêu cầu bà X, ông S phải trả cho anh số tiền nợ gốc 30.818.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/5/2018 đến ngày 27/02/2019 là 9 tháng x 0.8%/tháng x 30.818.000 đồng là 2.218.536 đồng. Như vậy số tiền tổng cộng gốc và lãi là 33.031.536 đồng.

**** Bị đơn bà Từ Thị X:*** Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt nên không có lời khai.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 9/4/2019 ông Bùi Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:*** Ông với bà Xlà vợ chồng (theo ông khai nhận là vợ chồng đã ly hôn). Bà Từ Thị X có mua thiếu vật tư xây dựng của anh Lê Văn L nhiều lần để ông bà cất nhà cho con trai của ông bà. Đến ngày 27/5/2018 ông và bà X còn nợ anh L số tiền 30.818.000 đồng. Nay anh L yêu cầu bà X và ông trả nợ tổng cộng gốc và lãi là 33.031.536 đồng thì ông xin được trả số nợ gốc là 30.818.000 đồng và xin được trả dần.

Tại phiên tòa: Anh L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện VKSND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang là ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp là đúng thẩm quyền. Những người tiến hành tố tụng cũng như những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Buộc bà X và ông S phải trả cho anh L số tiền tổng cộng gốc và lãi là 33.031.536 đồng (Trong đó, nợ gốc là 30.818.000 đồng và lãi là 2.218.536 đồng).

Bà X, ông Sđược miễn án phí do là người cao tuổi.

Trả lại cho ông L tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà X là bị đơn và ông S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Xvà ông S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh L, Hội đồng xét xử thấy giữa anh L và bà X và ông S có thực hiện việc mua bán vật tư xây dựng với nhau vào năm 2018 là đúng sự thật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện anh L đã cung cấp cho Tòa án hóa đơn bán lẻ (bút lục 03) ngày 27/5/2018. Trong quá trình giải quyết ông S thừa nhận ông và bà X còn nợ anh Lsố tiền 30.818.000 đồng. Còn đối với bà X là bị đơn trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà X không có bất cứ sự phản hồi nào đối với yêu cầu của nguyên đơn nên căn cứ theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định nghĩa vụ chứng minh của đương sự *"Đương sự phản hồi yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản hoặc phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản hồi đó"*. Như vậy, xem như bà X đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu chứng cứ do anh Lcung cấp cho Tòa án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh L là có cơ sở để chấp nhận.

Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi của anh L đối với số tiền nêu trên theo lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định. HĐXX xét thấy, yêu cầu tính lãi của anh L là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Cụ thể lãi suất được tính như sau: 30.818.000 đồng x 9 tháng x 0.8%/tháng (tính từ ngày 27/5/2018 đến ngày 27/02/2019) = 2.218.536 đồng

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi buộc bà X, ông S phải trả cho anh L là 33.031.536 đồng (Trong đó, nợ gốc là 30.818.000 đồng và lãi là 2.218.536 đồng).

Xét yêu cầu yêu cầu của ông S xin trả nợ dần thì tại phiên tòa nay anh L không đồng ý. Trong khi đó yêu cầu này của ông S không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xem xét sau khi án có hiệu lực pháp luật. Do đó HĐXX không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Án phí được tính như sau: 33.031.536 đồng x 5% = 1.651.500 đồng (làm tròn). Buộc bà X, ông S phải chịu án phí là 1.651.500 đồng. Nhưng bà X và ông S là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Anh L không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 430, Điều 440 và Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015 .

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Văn L**.

Buộc bà Từ Thị Xvà ông Bùi Văn S phải trả cho anh **Lê Văn L**số tiền tổng cộng là 33.031.536 đồng (Trong đó, nợ gốc là 30.818.000 đồng và lãi là 2.218.536 đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh L cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bà X, ông S còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phai thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2/ Về án dân sự giá ngạch: Bà X, ông S không phải chịu án phí (do là người cao tuổi).

Trả lại cho anh Lê Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 825.000 đồng theo biên lai thu số: 0002188 ngày 13/03/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/ Quyền kháng cáo: Anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà X, ông S có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòn Đất;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo